

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH  
QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BUN LỘT CHẶN THẶ CHON

**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP  
THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA Ở TỈNH SALAVAN,  
NƯỚC CỘNG HÒA DẶN CHỦ NHÂN DẶN LẶO**

*Chuyên ngành:* Quản lý kinh tế

*Mã số* : 62 34 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2009

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. TS Nguyễn Từ**
- 2. PGS, TS Nguyễn Thị Thơm**

**Phản biện 1: GS, TS Trần Đình Đăng**

*Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*

**Phản biện 2: GS, TS Trần An Phong**

*Viện Môi trường và Phát triển bền vững*

**Phản biện 3: GS, TSKH Lê Du Phong**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp  
Nhà nước tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh  
vào hồi 16 giờ ngày 04 tháng 01 năm 2010**

**Có thể tìm thấy luận án tại: Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

**NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bun Lọt Chăn Thạ Chon, Đinh Văn Dẫn (2006), "Thực trạng và một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá ở huyện Laongam - tỉnh Salavan - nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào", *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, tháng 9/2006, tr.117.
2. Bun Lọt Chăn Thạ Chon (2007), "Phát triển sản xuất hàng hoá ở Salavan, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào", *Tạp chí Thương mại*, (37), tr.7-8.
3. Bun Lọt Chăn Thạ Chon (2008), "Các kênh chuyển giao công nghệ cho hộ nông dân ở Việt Nam, những bài học kinh nghiệm đối với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào", *Tạp chí Rừng & Đời sống*, tháng 10- 2008, tr.39.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) nói chung và chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa nói riêng là đòi hỏi tất yếu của quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa cho phép khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế, chính trị, xã hội để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Ngược lại, chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chậm, không hợp lý, không những không phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương, từng ngành mà thậm chí còn cản trở tốc độ phát triển của nền kinh tế, hạn chế tiến trình phát triển của mỗi quốc gia.

Cộng hòa Dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào là một quốc gia nằm trong vùng nhiệt đới, kinh tế hiện nay chủ yếu là nông nghiệp. Nông nghiệp của Lào đang ở trình độ phát triển thấp, CCKT nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa chưa được hình thành một cách rõ nét. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Lào phải đẩy mạnh chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa để góp phần phát triển kinh tế xã hội ổn định và bền vững.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI (năm 1996) của Đảng Nhân dân cách mạng (ĐNDCM) Lào đã xác định: “lấy chủ trương, chính sách xây dựng CCKT nông - lâm nghiệp gắn với công nghiệp và dịch vụ ngay từ đầu; coi nông - lâm nghiệp là cơ bản và lấy việc xây dựng công nghiệp là trọng điểm; khuyến khích và phát triển mạnh ngành dịch vụ theo hướng từng bước HĐH”.

Nông nghiệp ở tỉnh Salavan nằm trong tình trạng chung của nước CHDCND Lào. Những năm qua, sản xuất nông nghiệp chưa phát triển, nhiều vùng vẫn còn mang nặng tính độc canh, trình độ phát triển nông nghiệp hàng hóa thấp, đời sống của nhân dân còn thấp kém, thậm chí vẫn còn tình trạng quảng canh, du canh, du cư.

Để thúc đẩy quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở Lào nói chung và tỉnh Salavan nói riêng, phải nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, mặt khác, phải chỉ đạo lựa chọn CCKT nông nghiệp nhằm khai thác, sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp có hiệu quả, sử dụng được lợi thế so sánh của các vùng, các địa phương, các đơn vị sản xuất, hướng cho các chủ thể sản xuất đi vào sản xuất kinh doanh những ngành có hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường và khai thác được lợi thế. Phải đánh giá đúng thực trạng CCKT nông nghiệp hiện nay và xu hướng chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Từ đó, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm chuyển dịch CCKT nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa trong những năm tới ở tỉnh Salavan là yêu cầu cấp bách. Với những lý do và ý nghĩa nêu trên, tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: *“Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”* để viết luận án tiến sỹ kinh tế.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

#### a. Mục đích

Đánh giá rõ thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu theo ngành trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan trong thời gian tới.

#### b. Nhiệm vụ

Luận án có 4 nhiệm vụ chủ yếu sau đây: Hệ thống hoá cơ sở lý luận của việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; khái quát những kinh nghiệm của Việt Nam về chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; đánh giá thực trạng chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan trong những năm qua, chỉ ra những khó khăn, mâu thuẫn cần khắc phục; đề xuất giải pháp đẩy nhanh việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh Salavan theo hướng sản xuất hàng hóa.

### 3. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm phương pháp luận nghiên cứu, sử dụng các phương pháp cụ thể như: chi tiết hóa, phân tổ, phân tích, tổng hợp, dự báo... Nghiên cứu sinh trực tiếp điều tra 200 hộ nông dân thuộc 3 huyện của tỉnh Salavan là Laongam, Khôngxêđôn, Tạôi.

**4. Phạm vi nghiên cứu của luận án:** Luận án nghiên cứu quá trình chuyển dịch cơ cấu theo ngành kinh tế trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Salavan; thời gian thu thập số liệu nghiên cứu phân tích từ năm 2001 đến năm 2007 và dự báo đến năm 2015; về nội dung: luận án tập trung vào nghiên cứu quá trình chuyển dịch CCKT theo ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan. Trong đó, *chủ yếu là cơ cấu theo ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp* (trồng trọt và chăn nuôi).

**5. Đóng góp mới về mặt khoa học:** Hệ thống hóa và góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; đánh giá rõ những thành quả, hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan; đề xuất những giải pháp chủ yếu để thúc đẩy chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Salavan.

### 6. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Những kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo để xây dựng chủ trương, giải pháp thúc đẩy chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

### 7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm tổng quan tình hình nghiên cứu, 3 chương, 10 tiết, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

### *Các công trình, đề tài nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án*

Lý thuyết CCKT đã được nghiên cứu rất sớm, nhưng mãi đến năm 1970 nó mới trở thành đối tượng nghiên cứu quan trọng, hấp dẫn đối với nhiều nhà nghiên cứu kinh tế học và được sự quan tâm đặc biệt của những nhà lãnh đạo.

Ở Việt Nam, trong những thập kỷ gần đây, vấn đề chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được nhiều nhà nghiên cứu kinh tế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Viện nghiên cứu Quản lý Trung ương, Viện Khoa học xã hội Việt Nam;... nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn. Ở Việt Nam, đã có nhiều công trình khoa học với nhiều cấp độ khác nhau, nhiều sách về CCKT, chuyển dịch CCKT nông nghiệp được xuất bản. Ví dụ: Các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ do PGS, TS Chu Hữu Quý (1997), GS, TS Ngô Đình Giao (1984), TS Nguyễn Từ làm chủ nhiệm (1996). Một số sách chuyên khảo về chủ đề này do các nhà khoa học biên soạn như GS, TSKH Lương Xuân Quý (1986), GS, TSKH Lê Đình Thắng (1996), GS, TSKH Lê Du Phong, (2000), GS, TS Đỗ Hoài Nam (1996), PGS, TS Nguyễn Đình Long (1996)... Một số nghiên cứu sinh và học viên cao học của Việt Nam cũng đã lấy đề tài chuyển dịch CCKT nông nghiệp làm chủ đề nghiên cứu của luận án, luận văn như Nguyễn Văn Phát (2004), Nguyễn Võ Định (2003). Một số nghiên cứu sinh, học viên cao học của Lào như Khăm Pao (1993), Hum Pheng Xay Nha Sin (2001) cũng đã nghiên cứu về chủ đề chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

Nhiều tổng luận, khảo luận, bài viết và phát biểu tại các hội thảo khoa học, các nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam cũng như của ĐNDCM Lào đề cập đến nhiều mặt khác nhau của vấn đề chuyển dịch CCKT và CCKT nông nghiệp. Các công trình trên đều khẳng định: Vai trò của chuyển dịch CCKT nông nghiệp là rất quan trọng và cần thiết phải tập trung lãnh đạo, chỉ

đạo; chuyển dịch CCKT nông nghiệp vừa là giải pháp thực hiện, vừa là bộ phận cấu thành chiến lược CNH, HĐH đất nước; chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá là tất yếu khách quan nhằm chuyển nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ tự túc, tự cấp thành nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất hàng hoá, đa dạng, hiện đại và phát triển bền vững; xác định các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp. Tác động của mỗi nhóm nhân tố thay đổi tùy thuộc theo thời kỳ, cơ chế kinh tế và chế độ chính trị xã hội; chỉ ra sự gắn kết giữa chuyển dịch CCKT nông nghiệp với quá trình CNH, HĐH đất nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường và bối cảnh kinh tế thế giới đang diễn ra mạnh mẽ xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

***Những vấn đề còn tồn tại trong các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài luận án***

Luận án chỉ ra một số tồn tại trong những công trình mà nghiên cứu sinh đã nghiên cứu như: chưa phân tích thỏa đáng những thách thức, khó khăn mà những nước đang phát triển như Lào gặp phải trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp gắn với hội nhập; chủ yếu mới phân tích kinh tế hộ nông dân ở khía cạnh kinh tế, những khía cạnh xã hội chưa được trình bày thỏa đáng; chưa trình bày nhiều việc sản xuất nông sản trong quan hệ giữa nông nghiệp với công nghiệp và thương mại - dịch vụ; chưa làm rõ chuỗi sản xuất và phân phối hàng nông sản; chưa trình bày thỏa đáng đặc điểm quan hệ cung - cầu hàng nông sản.

***Một số vấn đề cơ bản luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết trong quá trình triển khai đề tài***

Luận án đã định hướng một số vấn đề cơ bản cần tập trung giải quyết như phân tích sự cần thiết của chuyển dịch CCKT nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá; các chỉ tiêu đánh giá chuyển dịch CCKT theo hướng sản xuất hàng hoá; làm rõ kinh nghiệm của Việt Nam có giá trị tham khảo đối với Lào... Đánh giá những tiến bộ, yếu kém của chuyển dịch CCKT theo hướng sản xuất hàng hoá và nguyên nhân; nêu những quan điểm và các giải pháp cụ thể để thúc đẩy nhanh việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá của tỉnh Salavan.

## **Chương 1**

### **NHỮNG CĂN CỨ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM CỦA VIỆT NAM VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CÓ Ý NGHĨA VỚI TỈNH SALAVAN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **1.1. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

##### **1.1.1. Khái niệm, nội dung và đặc trưng của cơ cấu kinh tế nông nghiệp**

**1.1.1.1. Khái niệm cơ cấu kinh tế nông nghiệp:** Cơ cấu kinh tế (CCKT) là tổng thể các bộ phận hợp thành của nền kinh tế và mối quan hệ giữa chúng trong thời gian nhất định. Các bộ phận đó của nền kinh tế thường có quy mô, vị trí khác nhau trong tổng thể kinh tế nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong tổng thể. Còn CCKT nông nghiệp là tổng thể các bộ phận hợp thành của ngành nông nghiệp với quy mô vị trí và mối quan hệ tỷ lệ tương đối ổn định hợp thành trong một thời kỳ nhất định.

**1.1.1.2. Nội dung của cơ cấu kinh tế nông nghiệp:** Thông thường có thể xem xét CCKT nông nghiệp ở 3 nội dung chủ yếu là cơ cấu các ngành; cơ cấu theo vùng lãnh thổ và các thành phần kinh tế trong nông nghiệp. Giữa các nội dung đó có quan hệ chặt chẽ với nhau.

**1.1.1.3. Đặc trưng của cơ cấu kinh tế nông nghiệp:** Luận án cho rằng, CCKT nông nghiệp có những đặc trưng riêng khác với các ngành kinh tế khác như phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên; chuyển dịch theo xu hướng sản xuất hàng hoá; có quan hệ chặt chẽ với CCKT nông thôn v.v..

##### **1.1.2. Sản xuất hàng hóa và nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

**1.1.2.1. Sản xuất hàng hóa:** Có thể hiểu sản xuất hàng hóa là một kiểu tổ chức kinh tế xã hội, là sản xuất ra sản phẩm để bán;

sản xuất hàng hóa ra đời gắn liền với phân công lao động xã hội và sự độc lập, quyền tự chủ của người sản xuất hàng hóa. Các quy luật kinh tế và cơ chế thị trường sẽ điều tiết nền kinh tế hàng hóa nhưng không thể bỏ qua vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước.

### **1.1.2.2. Nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

Nội dung chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa rất phong phú, bao gồm cả việc thay đổi cơ cấu, các cây trồng, vật nuôi, ngành nghề trong nông nghiệp; phát triển và tạo lập sự liên kết giữa các đơn vị sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hóa trên cơ sở nhu cầu của thị trường và lợi thế.

### **1.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

Để phân tích, đánh giá quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, cần sử dụng 2 nhóm chỉ tiêu:

**1.1.3.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự vận động của cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa:** Thường dùng các chỉ tiêu như cơ cấu giá trị sản phẩm hàng hóa, cơ cấu giá trị gia tăng, cơ cấu diện tích gieo trồng, cơ cấu đàn gia súc..., đồng thời phân tích cơ cấu sử dụng các nguồn lực cho các cây trồng vật nuôi hay cho các vùng, các thành phần kinh tế như: cơ cấu vốn đầu tư, cơ cấu sử dụng đất đai.

**1.1.3.2. Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và tính hợp lý của sự vận động của cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa:** Có thể sử dụng 3 nhóm chỉ tiêu để phản ánh hiệu quả mang lại như chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và tác động môi trường.

## **1.2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

Mục đích cơ bản của việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến CCKT nông nghiệp là xác định *căn cứ* để hoạch

định và chỉ đạo thực hiện CCKT, giảm thiểu khuyết điểm chủ quan, duy ý chí.

Có nhiều cách phân loại, tiếp cận các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT. Luận án chia thành 2 nhóm nhân tố là:

**1.2.1. Nhóm nhân tố tự nhiên:** Bao gồm: vị trí địa lý; địa hình; khí hậu, thủy văn; đất đai v.v..

**1.2.2. Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội:** Bao gồm: thị trường trong và ngoài quốc gia; lao động; vốn đầu tư; tiến bộ khoa học, công nghệ; trình độ tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước, thể chế kinh tế v.v..

Luận án phân tích chi tiết ảnh hưởng của các nhân tố đã nêu trên đến CCKT nông nghiệp và cho rằng, các nhân tố đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, có sự tác động đan xen giữa các nhân tố của từng quốc gia và quốc tế.

## **1.3. ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA QUAN HỆ CUNG, CẦU NÔNG SẢN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN PHẢI GIẢI QUYẾT TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

Sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa nông sản có những đặc điểm riêng. Do đó, nghiên cứu đặc điểm quan hệ cung cầu nông sản có ý nghĩa lớn trong tác động chính sách và giải pháp.

**1.3.1. Đặc điểm về cầu:** Nông sản bao gồm rất nhiều loại; cầu nông sản thường mang tính tập trung và ngày càng được tiêu chuẩn hóa; có sự thay thế lẫn nhau trên một mức độ nhất định về cầu các loại nông sản; trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, cầu nông sản của mỗi quốc gia được mở rộng cả thị trường trong nước và quốc tế.

**1.3.2. Đặc điểm về cung:** Cung nông sản mang tính chất thời vụ; nông sản là sản phẩm tươi sống; nông sản được sản xuất trên một không gian rất rộng, phân tán ở nhiều vùng kinh tế, sinh thái rất khác nhau; tính đồng nhất của sản phẩm rất khó thực hiện do

đặc điểm của sản xuất nông nghiệp gắn liền với các điều kiện tự nhiên; cung nông sản trong điều kiện đẩy nhanh công nghiệp hóa hiện đại hóa, vận hành theo cơ chế thị trường tạo ra nguy cơ lạm dụng hóa chất, chất kích thích tăng trưởng, sử dụng các chất bảo quản độc hại... làm cho chất lượng nông sản giảm xuống, không đảm bảo yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm; cung nông nghiệp phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên; cung nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ gồm những nông sản sản xuất trong phạm vi quốc gia mà còn gồm nông sản nhập khẩu từ nước ngoài v.v..

#### **1.4. NHỮNG KINH NGHIỆM VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

Luận án đã phân tích khái quát những thành tựu to lớn của Việt Nam trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chỉ ra những hạn chế, những vấn đề phát sinh cần giải quyết. Nêu lên 8 bài học cho Lào và tỉnh Salavan là: (1) Trong điều kiện có điểm xuất là nông nghiệp thì việc xác định đúng vai trò của nông nghiệp và có chính sách phù hợp trong chiến lược và CCKT trong thời kỳ là rất quan trọng; (2) Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp với nông thôn, nông dân; (3) Giải quyết tốt thị trường tiêu thụ nông sản có vai trò rất quan trọng; (4) Hình thành và phát triển các chủ thể kinh doanh nông nghiệp hàng hóa; (5) Tạo lập các điều kiện cho phát triển nông nghiệp hàng hóa; (6) Trong điều kiện hội nhập quốc tế, xuất hiện những cơ hội và thách thức. Vì thế, cần có những chính sách, giải pháp phù hợp để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức; (7) Phải nâng cao khả năng cạnh tranh của nông nghiệp; (8) Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA Ở TỈNH SALAVAN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO VÀ CỦA TỈNH SALAVAN ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

**2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào:** Luận án đã trình bày khái quát những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của nước CHDCND Lào ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Lào như khí hậu, thời tiết, đất đai, địa hình, tài nguyên nước, dân số, lao động, dân tộc, thu chi ngân sách, kết cấu hạ tầng v.v..

#### **2.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Salavan**

Luận án đã trình bày khái quát những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Salavan.

Sau khi phân tích những điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội nước CHDCND Lào nói chung và của tỉnh Salavan ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và nêu ra khó khăn, hạn chế việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh Salavan theo hướng sản xuất hàng hóa. Về những khó khăn, luận án chỉ ra những nét cơ bản là: có lượng mưa phân bố không đều, thường gây ra lụt lội, sâu bệnh, hạn hán, địa hình phức tạp bị chia cắt, đồi núi; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, điện, thủy lợi chưa phát triển v.v.; đa số dân cư và lao động đều tập trung ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đến năm 2007, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 74% lao động nông nghiệp, chỉ có 6,2% lao động công nghiệp và 19,8% lao động thương mại - dịch vụ. Thu ngân sách của Lào và của tỉnh Salavan còn thấp. Thu nhập

bình quân một người dân của tỉnh mới đạt 518 USD. Chi ngân sách trên địa bàn tỉnh được tài trợ một phần lớn từ ngân sách của Nhà nước Trung ương Lào. Các đơn vị kinh tế trong ngành nông nghiệp của tỉnh có quy mô nhỏ, năng lực yếu kém lại thiếu sự liên kết, hợp tác trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trình độ dân trí, tư duy sản xuất nông nghiệp hàng hóa còn thấp. Thậm chí một số bộ tộc còn giữ nhiều phong tục, tập quán lạc hậu như: mê tín dị đoan, du canh, du cư, nặng về khai thác tự nhiên... gây khó khăn cho việc phát triển khoa học và công nghệ, sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo nhu cầu của thị trường.

## 2.2. KHÁI QUÁT VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CỦA NƯỚC LÀO VÀ TỈNH SALAVAN

- Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế của Lào: luận án đã phân tích khái quát quá trình chuyển dịch các ngành kinh tế của Lào. Từ năm 1990-2007, cơ cấu 3 nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của Lào chuyển dịch như sau:

### Cơ cấu GDP các ngành kinh tế của Lào, thời kỳ 1990-2007 (giá cố định 1990)

*Đơn vị tính: %*

Chỉ tiêu	1990	1995	1996	1999	2003	2004	2005	2006	2007
Nông nghiệp	61,2	55,2	52,9	50,3	47,0	45,0	42,9	40,9	38,6
Công nghiệp	14,5	19,1	21,1	22,1	26,8	28,8	31,1	33,1	35,7
Dịch vụ	24,3	25,7	26,0	27,6	26,0	26,2	26,0	26,0	25,7

Qua phân tích thấy rõ, trong những năm qua cơ cấu các ngành kinh tế của Lào đã chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tỷ lệ của ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP có xu hướng giảm từ 61,2% (1990) còn 38,6% (2007). Còn ngành công nghiệp, trong thời gian trên, tăng từ 14,5% lên 35,7%. Còn ngành dịch vụ của Lào tuy có tăng lên từ tỷ lệ 24,3% (1990) - 25,7% (2007) nhưng không ổn định. Cùng với việc chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế thì Lào cũng thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế và xúc tiến việc phát triển kinh tế theo lãnh thổ gắn với lợi thế của

từng vùng. Trong ngành nông nghiệp của Lào, cơ cấu cũng có những bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ, ngành trồng trọt gắn liền với thế mạnh của Lào có tỷ suất hàng hóa cao (như trồng cây công nghiệp, cây ăn quả) có xu hướng tăng lên. Năm 1995 ngành trồng trọt chiếm 47,6% giá trị sản xuất đến năm 2007 tăng lên 54,7% giá trị sản xuất nông nghiệp của Lào. Còn ngành chăn nuôi (bao gồm cả thủy sản) tỷ trọng giao động từ 34-39,5% giá trị sản lượng nông nghiệp. Còn ngành lâm nghiệp có xu hướng giảm xuống do chủ trương giảm xuất khẩu gỗ nguyên liệu của Lào và kinh doanh của ngành lâm nghiệp còn đơn điệu nên tỷ lệ của ngành lâm nghiệp từ 12,9% (1995) giảm xuống còn 8,4% (2007). Một số nông sản của Lào đã có quy mô hàng hóa - kể cả hàng hóa cho xuất khẩu tăng lên trong năm đổi mới. Hai mặt hàng mà Lào có lợi thế là cafe và gỗ đều có mức tăng trưởng xuất khẩu cao. Ví dụ, năm 1995 Lào mới xuất khẩu 8.856 tấn cafe thì đến năm 2007 đạt 25.000 tấn, tăng khoảng 3 lần. Đặc biệt cơ cấu gỗ xuất khẩu của Lào theo hướng tiến bộ. Xuất khẩu gỗ tròn 44.000m<sup>3</sup> (1995) giảm xuống còn 10.000m<sup>3</sup> năm 2007. Ngược lại xuất khẩu gỗ xẻ trong thời gian trên tăng từ 126.000m<sup>3</sup> lên 2.623.000m<sup>3</sup>.

- Chuyển dịch CCKT của tỉnh Salavan. Trong những năm gần đây, cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh Salavan cũng đã chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tỷ lệ của ngành nông nghiệp trong cơ cấu các ngành của tỉnh giảm từ 69% (2001) còn 58,25% (2007). Cũng trong thời gian trên tỷ lệ công nghiệp và xây dựng tăng từ 12% (2001) lên 17,3% (2007). Còn ngành dịch vụ, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các ngành của tỉnh nhưng có xu hướng tăng lên, từ 19% (2001) lên 24,31% (2007). Tuy vậy, so với cả nước Lào thì tỷ lệ của công nghiệp, dịch vụ trong CCKT của tỉnh còn thấp. Ví dụ, năm 2007 tỷ lệ của ngành nông nghiệp tỉnh chiếm tới 58,25% thì của cả nước Lào chỉ 38,6%; hai chỉ tiêu tương ứng của ngành công nghiệp là 17,43% và 35,7%. Còn ngành dịch vụ là 24,31% và 25,7%. Tỉnh Salavan cũng đã thực hiện sự thay đổi cơ bản trong cơ cấu các thành phần kinh tế và bước đầu phân vùng, quy hoạch, thực hiện phát triển kinh tế theo lãnh thổ. Tuy vậy, những hạn chế



nổi bật trong chuyển dịch CCKT của tỉnh Salavan là tỷ lệ của công nghiệp và dịch vụ còn thấp, tăng trưởng chậm; quy mô của công nghiệp và dịch vụ nhỏ, chưa tác động tích cực cho sản xuất, xuất khẩu của tỉnh (gỗ, cafe...) vẫn chủ yếu là sản phẩm thô hoặc sơ chế một cách đơn giản nên giá trị gia tăng thấp.

### **2.3. THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA TỈNH SALAVAN**

#### **2.3.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

##### ***2.3.1.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa***

Luận án đã lần lượt phân tích chuyển dịch cơ cấu nhóm cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau đậu của tỉnh Salavan từ năm 2001-2007 và rút ra một số nhận xét, đánh giá chủ yếu là: lúa là cây trồng chủ yếu trong nhóm cây lương thực của tỉnh. Tỷ trọng tổng diện tích cây trồng của lúa trong năm 2001 chiếm 78,68%, đến năm 2007 giảm xuống còn 59,86%. Đặc biệt cây sắn có diện tích tăng lên với tốc độ rất nhanh. Từ năm 2001-2007 diện tích sắn tăng hơn 10 lần (từ 456 ha lên 5.300 ha năm 2007). Còn các cây lương thực khác có sự tăng giảm thất thường. Trong nội bộ cây lúa, cơ cấu mùa vụ cũng có sự thay đổi đáng kể, diện tích lúa chiêm có xu hướng giảm xuống, lúa trồng cạn có năng suất thấp, canh tác ở vùng đồi, có độ dốc cao gây xói mòn đất rất lớn nên diện tích không ngừng giảm xuống. Năm 2001, diện tích lúa cạn chiếm 10,82% tổng diện tích lúa thì đến năm 2007 chỉ còn 5,73%. Đối với nhóm cây rau đậu, diện tích nhiều loại cây trồng cũng có xu hướng tăng lên tuy không ổn định. Cây công nghiệp là thế mạnh của tỉnh Salavan và của nước CHDCND Lào. Một số cây công nghiệp chủ yếu như cafe, lạc có diện tích và sản lượng tăng liên tục từ năm 2001-2007. Năm 2007 so với 2001 diện tích cafe tăng 69,2%, sản lượng tăng 92% còn cây lạc, trong thời gian trên diện tích tăng 64,1%, sản lượng tăng 35,1%. Cùng với việc thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng thì cơ cấu giá trị sản lượng của

ngành trồng trọt cũng có những thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong tổng giá trị sản lượng những cây trồng chủ yếu của tỉnh Salavan thì tỷ lệ của cây lúa giảm từ 63,04% (năm 2001) xuống còn 42,79% (năm 2007). Một số cây trồng phi lương thực có giá trị sản lượng không ngừng tăng lên. Ví dụ, cafe trong thời gian trên tăng từ 8,67% lên 17,44%, cây bông từ 0,38% lên 0,71%. Ngành trồng trọt cũng đã bước đầu sản xuất theo lợi thế của từng vùng. Ví dụ, lúa được trồng tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng có nguồn nước tưới tiêu chủ động, cafe được trồng ở vùng đất bazan có tầng lớp canh tác dày. Hầu hết cây trồng chủ yếu ở tỉnh Salavan cũng không ngừng tăng lên, các cây trồng có tỷ suất hàng hóa cao, có thị trường đều tăng lên.

##### ***2.3.1.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa***

Từ năm 2001-2007 hầu hết các loại gia súc, gia cầm đều có tốc độ tăng trưởng rất nhanh. Trong thời gian trên số lượng trâu, bò tăng lên gần 1,5 lần - từ hơn 140 ngàn con tăng lên hơn 215 ngàn con năm 2007. Đàn lợn tăng hơn 2 lần, còn đàn gia cầm tăng hơn 5 lần (từ 641.930 con lên 3.100.395 con). Giá trị sản lượng của gia súc, gia cầm cũng có mức tăng trưởng khá cao. Nếu như năm 2001, giá trị sản lượng gia súc, gia cầm mới đạt 210,288 tỷ kip thì đến năm 2007 đạt 467,759 tỷ kip, tăng 124,44%. Mặc dầu là tỉnh có rất ít ao hồ mặt nước nhưng những năm qua nông dân của tỉnh đã cố gắng mở rộng chăn nuôi thủy sản bằng rất nhiều hình thức như nuôi cá ở suối, ao hồ, đập và xuất hiện hình thức nuôi cá mới và nuôi trong lồng bè. Quy mô và tỷ suất hàng hóa chăn nuôi tăng.

##### ***2.3.1.3. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa***

Tỉnh Salavan nói riêng và nước Lào nói chung có diện tích rừng lớn và có lợi thế về phát triển lâm nghiệp. Năm 2007, chỉ riêng rừng già của tỉnh đã đạt 707.400 ha. Diện tích các loại rừng của tỉnh chiếm 46% diện tích tự nhiên. Nhưng trước đây do thiếu lương thực và sự cấm đoán trong lưu thông lương thực nên cả nước Lào trong đó có tỉnh Salavan sản xuất lương thực bằng du canh, du

cư, mỗi năm tàn phá khoảng 15-20 vạn ha rừng. Lâm sản - nhất là gỗ trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh Salavan. Tuy nhiên, cơ cấu xuất khẩu gỗ bước đầu có sự thay đổi theo hướng tiến bộ. Tỷ lệ xuất khẩu gỗ tròn có xu hướng giảm xuống. Tỷ lệ xuất khẩu gỗ xẻ có sơ chế tăng lên. Trên địa bàn tỉnh đã khoanh vùng những khu rừng bảo tồn, rừng đầu nguồn để có phương thức bảo vệ tốt hơn. Diện tích rừng trồng (rừng nhân tạo) cũng có xu hướng tăng lên. Nếu như năm 2001, cả tỉnh mới trồng được 991 ha thì đến năm 2007 đã trồng được 2.116 ha.

Cùng với sự chuyển dịch theo ngành nghề, sản phẩm của ngành nông nghiệp như đã nêu trên thì việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo vùng lãnh thổ và theo thành phần kinh tế cũng có những thay đổi đáng kể, hỗ trợ tích cực cho việc chuyển dịch theo ngành nghề, sản phẩm của tỉnh.

### **2.3.2. Đánh giá chung về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

Trên cơ sở phân tích thực trạng chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh Salavan theo hướng sản xuất hàng hóa có thể rút ra ưu điểm, tiến bộ cũng như yếu kém nổi bật sau đây.

**2.3.2.1. Những ưu điểm, tiến bộ:** Luận án đã chỉ ra những ưu điểm, tiến bộ: cơ cấu 3 nhóm ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nội bộ từng ngành đã chuyển dịch theo hướng tiến bộ. CCKT nông nghiệp đã và đang có sự chuyển dịch tích cực dưới tác động của các chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Salavan. Cơ cấu các loại hàng nông sản hàng hóa phát triển ngày càng đa dạng. Về quy mô và tốc độ chuyển dịch cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa có những chuyển biến tích cực. *Trình độ sản xuất hàng hóa* trong nông nghiệp của tỉnh từng bước tăng lên (nhiều loại nông sản của tỉnh không những chỉ cung cấp cho thị trường trong nước mà đã được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Sản xuất nông sản hàng hóa đã tiến bộ theo hướng thâm canh, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ). Ở một số loại nông sản đã bước đầu hình thành các chuỗi sản xuất, phân phối ổn định. Việc

chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của tỉnh sang sản xuất hàng hóa không chỉ góp phần thay đổi tư duy, cách làm nông nghiệp của nhân dân và cách chỉ đạo của Nhà nước mà có những lợi ích kinh tế - xã hội thiết thực (mức độ, hiệu quả huy động các lợi thế, nguồn lực tăng lên; đã bước đầu hình thành những vùng nông sản tập trung và các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng kinh tế sinh thái); không những thay đổi đáng kể trong cơ cấu các cây trồng, vật nuôi mà còn tạo ra sự tăng trưởng đáng kể về tốc độ tăng trưởng hàng hóa nông sản. Việc chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa góp phần thiết thực trong việc huy động nguồn lực, tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống của nông dân. Nhà nước Lào và tỉnh Salavan thực hiện nhiều chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Luận án đã nêu lên các nguyên nhân của những ưu điểm, tiến bộ trên.

#### **2.3.2.2. Những hạn chế, yếu kém chủ yếu**

Luận án đã chỉ ra những yếu kém, hạn chế sau đây: Quy mô sản xuất hàng hóa còn nhỏ, phân tán. Tỷ suất nông sản hàng hóa và quy mô nông sản hàng hóa còn rất nhỏ bé. Khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa thấp. Việc sản xuất hàng hóa trong quan hệ gắn kết giữa nông nghiệp với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn sơ khai. Nông sản của tỉnh được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài còn ít. Việc sản xuất nông sản hàng hóa vẫn chủ yếu nặng về khai thác tự nhiên, mức đầu tư vốn, nhất là trình độ khoa học và công nghệ còn thấp. Ngoại trừ mặt hàng sản được chế biến và tiêu thụ tỉnh bột cùng với cà phê, gỗ bán ra nước ngoài, còn lại mặt hàng khác chỉ tiêu thụ ở trong tỉnh và trong nước dưới dạng sản phẩm tươi sống hoặc sơ chế nên tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch cao và giá trị thu nhập thấp. Do trình độ và hiệu quả chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa của tỉnh còn thấp nên hiệu quả khai thác các nguồn lực, lợi thế của tỉnh cũng rất hạn chế.

Luận án đã chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến những yếu kém trên.

### Chương 3

## ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA Ở TỈNH SALAVAN

### 3.1. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO KHI THỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Tuy so với Việt Nam, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của kinh tế Lào còn thấp hơn nhưng Lào đã tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN; có quan hệ thương mại với 50 nước, ký kết hiệp định thương mại - đầu tư với 17 nước. Hội nhập kinh tế quốc tế của Lào tạo ra những cơ hội và thách thức cơ bản sau đây cho việc phát triển nông nghiệp của tỉnh Salavan theo hướng sản xuất hàng hóa.

#### 3.1.1. Những cơ hội chủ yếu

Những cơ hội chủ yếu góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng nông sản của tỉnh; tạo điều kiện để tiếp nhận thêm các nguồn lực từ nước ngoài; tạo ra sức ép để cải cách nền kinh tế và cách thức quản lý nhà nước đối với nông nghiệp; tạo ra sức ép để buộc phải nhanh chóng nâng cao cạnh tranh hàng nông sản của tỉnh; tăng cơ hội cho các đơn vị kinh doanh nông nghiệp trong sự lựa chọn các nhà cung ứng vật tư - dịch vụ.

#### 3.1.2. Những thách thức chủ yếu

Mức độ cạnh tranh trong ngành nông nghiệp và toàn bộ ngành kinh tế của Lào, của tỉnh Salavan tăng lên; năng lực của nền kinh tế nói chung và của nông nghiệp nói riêng còn thấp kém; gia tăng tình trạng đầu tư của ngành nông nghiệp tỉnh vào sự biến động thường xuyên của thị trường quốc tế, năng lực của cán bộ quản lý và của nông dân còn thấp.

### 3.2. QUAN ĐIỂM CHỦ YẾU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA TỈNH SALAVAN

Luận án đã nêu ra 5 quan điểm để định hướng cho chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hóa cụ thể là: (1) Chuyển dịch CCKT nông nghiệp nhằm phát triển nền nông nghiệp hàng hóa trên cơ sở khai thác sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế. (2) Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở nhu cầu của thị trường và lợi thế của tỉnh và của từng vùng. (3) Chuyển dịch CCKT nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. (4) Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phải theo yêu cầu phát triển bền vững. Lựa chọn cơ cấu cây trồng vật nuôi hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thị trường; lựa chọn những mô hình sản xuất sạch. (5) Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của tỉnh phải được thực hiện cùng với quá trình hoàn thiện thể chế phát triển nông nghiệp, nông thôn của Lào.

### 3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA Ở TỈNH SALAVAN

Luận án đã phân tích hệ thống các giải pháp chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong đó lưu ý rằng, việc thực hiện các giải pháp để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của tỉnh Salavan trong thời gian tới gắn liền với vai trò của Nhà nước, trước hết là thực hiện đồng bộ một số chính sách; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nông thôn, chính quyền địa phương (tỉnh và huyện). Những giải pháp được trình bày là:

### **3.3.1. Khẩn trương phát triển thị trường và tổ chức tốt quá trình tiêu thụ nông sản**

Phát triển thị trường và tổ chức quá trình tiêu thụ nông sản của tỉnh gắn liền với việc thực hiện nhiều giải pháp cụ thể: Trước hết, phải mở rộng việc nghiên cứu thị trường, tiếp thị để sớm hình thành một hệ thống thị trường ổn định, tránh hiện tượng tranh mua, tranh bán, ép cấp, ép giá gây thiệt hại cho nông dân. Luận án cũng đi sâu phân tích những vấn đề cần giải quyết đối với thị trường trong nước và thị trường quốc tế của nông sản. Trên cơ sở phân tích trình độ, đặc điểm của từng loại hàng nông sản, luận án đã khuyến nghị sử dụng các kênh phân phối phù hợp cho việc tiêu thụ nông sản trong nước và tiêu thụ nông sản ở nước ngoài.

### **3.3.2. Tăng cường các giải pháp kinh tế, tổ chức sản xuất, nâng cao trình độ thâm canh trong sản xuất nông nghiệp**

Trước hết tỉnh phải sớm xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp gắn liền với quy hoạch phát triển nông thôn. Để tiến hành xây dựng quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch của tỉnh, luận án đã đưa ra những nội dung công tác cần phải thực hiện là: xác định rõ các sản phẩm chủ lực, các vùng nông nghiệp trọng điểm và các doanh nghiệp làm trung tâm liên kết; dự báo chính xác và dài hạn hơn nhu cầu của các loại nông sản của thị trường trong và ngoài nước và các dự báo về vốn, tiến bộ công nghệ v.v...; điều tra mới và phúc tra toàn bộ những điều kiện tự nhiên (như đất đai, nguồn nước, tài nguyên rừng...) các điều kiện kinh tế – xã hội (như nguồn lao động, kết cấu hạ tầng, vốn đầu tư, tâm lý, tập quán dân tộc...); điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật cho phù hợp với tình hình mới; xây dựng khung khổ luật pháp cho hoạt động này như qui định rõ trách nhiệm của cơ quan, cá nhân trong việc hoạch định, phê duyệt, điều chỉnh qui hoạch, tránh tình trạng mỗi nhiệm kỳ bộ máy hay lãnh đạo lại lựa chọn, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi một cách chủ quan.

Trong thời gian tới, các vùng của tỉnh nên lựa chọn, bố trí các nhóm cây trồng, vật nuôi gắn với đặc điểm, lợi thế của từng vùng và nhu cầu thị trường.

Luận án đã căn cứ vào những dự báo của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Salavan cùng với sự nghiên cứu của bản thân, đưa ra dự báo về quy mô phát triển của những cây trồng, vật nuôi chủ yếu của tỉnh đến năm 2015. Đồng thời, tăng cường đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ mới vào sản xuất. Luận án đã khuyến nghị những giải pháp về giống cây trồng, vật nuôi, về mô hình tổ chức hệ thống thủy nông. Để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa bền vững và có hiệu quả cũng cần phải áp dụng công nghệ mới trong bảo quản và chế biến nông sản.

### **3.3.3. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn**

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp là cản trở lớn của tỉnh trong việc chuyển dịch nhanh nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Luận án nêu lên yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp theo hướng ưu tiên nhóm cán bộ quản lý nông nghiệp của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và đào tạo đội ngũ lao động trực tiếp hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, luận án đã nêu ra yêu cầu về số lượng cần phải đào tạo cho các cấp trong bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp của tỉnh. Đối với nông dân, luận án cho rằng phải ưu tiên phát triển giáo dục nông thôn để nâng cao dân trí. Đồng thời, phải phân loại nông dân theo độ tuổi và yêu cầu nghề nghiệp để có hình thức, chương trình đào tạo phù hợp, tránh đập khuôn máy móc.

### **3.3.4. Phát triển kinh tế hộ nông dân, tạo lập quan hệ giữa các hộ nông dân và giữa các hộ với các doanh nghiệp**

Luận án cho rằng, hiện nay và lâu dài, kinh tế hộ nông dân vẫn là chủ thể chính trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Salavan. Do đó, phải tập trung nâng cao năng lực toàn diện kinh tế hộ nông dân. Luận án đã nêu lên những giải pháp về chuyển dịch cơ cấu kinh doanh của các hộ nông dân; tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến từng hộ; phát triển văn hóa, giáo dục đến từng

hộ tạo nền tảng cho hộ thay đổi tư duy, năng lực nội sinh; tăng cường hoạt động y tế, bảo vệ sức khỏe cho dân cư nông thôn. Đồng thời, phải tập trung nâng cao kiến thức và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ cho nông dân thông qua kiện toàn hệ thống khuyến nông ở cấp huyện, cấp cụm bản, cấp thôn bản. Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết, hợp tác.

### **3.3.5. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và công nghiệp chế biến nông sản của tỉnh**

Trên cơ sở nhận thức rõ tầm quan trọng của kết cấu hạ tầng và công nghiệp chế biến đối với phát triển nông nghiệp hàng hóa, luận án cho rằng phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và công nghiệp chế biến là giải pháp cơ bản. Về giao thông nông thôn, luận án đã chỉ ra yêu cầu phải sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường giao thông trên địa bàn tỉnh. Đồng thời phát triển hệ thống thủy lợi, điện, thông tin liên lạc - phát thanh truyền hình phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Về phát triển công nghiệp chế biến, luận án nêu các yêu cầu để hình thành các vùng nguyên liệu nông nghiệp chuyên canh; khuyến khích các công ty lớn đứng ra hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu; giải quyết tốt mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia sản xuất hàng nông sản ở cả ba khâu: sản xuất nông nghiệp nguyên liệu, chế biến, tiêu thụ nông sản.

### **3.3.6. Nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh trong nông nghiệp**

Đây là giải pháp đòi hỏi phải thực hiện lâu dài và mang tính toàn quốc, toàn cầu. Riêng đối với tỉnh Salavan, luận án nêu những công việc cấp bách như: Giữ vững độ che phủ của rừng; tổ chức tốt cuộc sống dân cư vùng có rừng; nâng cấp và xây dựng mới hệ thống hồ, đập chứa nước để chống hạn, chống lũ lụt; xây dựng mạng lưới thú y, bảo vệ thực vật xuyên suốt từ Trung ương đến làng bản; thay đổi cơ bản phương thức chăn nuôi; mở rộng các hoạt động bảo hiểm trong nông nghiệp v.v..

### **3.3.7. Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ một số chính sách để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa**

Luận án cho rằng, để chuyển nông nghiệp của tỉnh sang sản xuất hàng hóa bền vững, vai trò của Nhà nước - trước hết là Nhà nước Trung ương thông qua việc hoạch định và thực thi một hệ thống chính sách phù hợp là rất cần thiết. Luận án đã nêu lên hướng hoàn thiện một số chính sách cơ bản như: chính sách đất đai, chính sách giá cả - thị trường, chính sách đầu tư, chính sách ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế; các vùng kinh tế trọng điểm và loại đơn vị kinh tế có khả năng làm trung tâm liên kết; chính sách xã hội.

### **3.3.8. Nâng cao năng lực quản lý nông nghiệp, nông thôn của chính quyền địa phương (tỉnh và huyện)**

Do sản xuất hàng hóa phân tán trên nhiều vùng kinh tế, sinh thái nên vai trò của chính quyền địa phương rất quan trọng. Hơn nữa, phạm vi nghiên cứu ở địa bàn tỉnh nên luận án nêu giải pháp này độc lập với giải pháp 3.3.7. Ở Lào, chính quyền địa phương được chia thành cấp tỉnh và huyện. Luận án nêu lên 3 nhóm giải pháp cơ bản để nâng cao năng lực quản lý nông nghiệp, nông thôn của chính quyền tỉnh, huyện là:

*Thứ nhất*, bổ sung, hoàn thiện những quy định của Nhà nước về chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Nhà nước cấp tỉnh, huyện đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn.

*Thứ hai*, tăng cường năng lực của chính quyền địa phương thông qua việc tăng ngân sách cho địa phương, tăng quyền hạn và trách nhiệm trong sử dụng ngân sách; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước.

*Thứ ba*, thay đổi phương pháp hoạt động của bộ máy Nhà nước và cách thức tác động của bộ máy đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

## KẾT LUẬN

1. Tỉnh Salavan có vị trí rất quan trọng về chiến lược đối với nước CHDCND Lào. Trong những năm thực hiện cải cách kinh tế, CCKT của tỉnh có những bước chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của nông nghiệp, nhưng đến năm 2007, nông nghiệp vẫn chiếm 58,25% GDP của tỉnh, chiếm 70% lao động và liên quan đến việc làm, thu nhập, đời sống gần 80% dân số của tỉnh. Từ năm 2001 đến năm 2007, CCKT nông nghiệp đã có bước chuyển dịch đáng kể: tỷ trọng của trồng trọt giảm, đã hình thành được một số cây trồng mũi nhọn như: cà phê, lạc, chuối... bước đầu có tỷ suất hàng hóa khá và có sản phẩm để xuất khẩu. Một số tiềm năng, lợi thế của tỉnh như đất đai, vị trí địa lý... bước đầu được khai thác.

2. Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của tỉnh vẫn chuyển dịch rất chậm chạp. Quy mô hàng hóa nông sản còn nhỏ bé, cơ cấu hàng nông sản còn đơn điệu, trình độ sản xuất hàng hóa còn thấp, khả năng cạnh tranh còn kém. Nguyên nhân của tình trạng trên có rất nhiều. Ngoài lý do sâu xa là điểm xuất phát về kinh tế của tỉnh và của Lào còn thấp, trình độ của kinh tế hộ nông dân - chủ thể chính trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa của Lào còn thấp; đội ngũ lao động hầu hết mới tốt nghiệp cấp I hoặc mù chữ, khả năng kinh doanh nông sản hàng hóa kém; trình độ khoa học công nghệ thấp; công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp chưa phát triển; kết cấu hạ tầng - nhất là giao thông chậm phát triển; tác động của nhà nước, trong đó có chính quyền địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; một số chính sách như chính sách đất đai, tín dụng; đào tạo nguồn nhân lực chưa phù hợp; còn buông lỏng công tác quy hoạch...

3. Trong thời gian tới, theo đường lối của ĐNDCM Lào đề ra tại Đại hội lần thứ VIII (năm 2006), khẳng định tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp, nông thôn và vấn đề nông dân gắn với chủ trương CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế... Để thúc đẩy nhanh chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh Salavan theo hướng sản xuất hàng hóa, trong thời gian tới, cần tác động nhiều biện pháp. Trong đó, theo tác giả luận án, cần ưu tiên những giải pháp chính như thực hiện các biện pháp để nâng cao trình độ thâm canh, nâng cao năng lực của kinh tế hộ nông dân; tổ chức tốt thị trường; nâng cao trình độ nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn; phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp chế biến; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, dịch bệnh; hoàn thiện một số chính sách; nâng cao năng lực của chính quyền địa phương (tỉnh và huyện). Đối với tỉnh Salavan, việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp với điểm xuất phát thấp, còn nặng về tự cấp, tự túc, khai thác tự nhiên thì việc chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa thực sự là một cuộc cách mạng không chỉ đòi hỏi những giải pháp thuần túy kinh tế mà còn phải tác động cả những giải pháp văn hóa - xã hội để thay đổi tư duy, phong cách của cả nông dân và công chức trong bộ máy nhà nước.